

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-PT
Ngày: 27/01/2021
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Chương
Ông Ma Ngọc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ánh Nguyệt - Thư ký TAND tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thành Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 39/2020/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bru điện A;**

Địa chỉ: Số 609, đường Q, tổ 24, phường P, thành phố E, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Đức N – Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Thôn 1 TY, xã I, huyện M, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông C ao Bá U – Luật sư Công ty Luật TNHH CB, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Có mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã I, huyện M, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hữu G – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Văn B – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Anh Vũ Văn O, sinh năm 1982; (Có mặt).

- Anh Vũ Hải D, sinh năm 1988; (*Có mặt*).

Cùng địa chỉ: Thôn 1 TY, xã I, huyện M, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Vũ Thị K, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 127/12/14, đường X, phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (*Vắng mặt*).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị K: Ông Vũ Đình S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn 1 TY, xã I, huyện M, tỉnh Tuyên Quang. (*Có mặt*).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Đoàn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bưu điện A trình bày:

Theo Quyết định số 205/QĐ-UB, ngày 13/02/2001 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi và giao đất để xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I thì Bưu điện A được giao 200m² đất tại thôn 2 TY, xã I để xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất năm 2001 Bưu điện A khởi công xây dựng nhà Bưu điện văn hóa xã I và sử dụng đến năm 2012 do làm đường dẫn cầu Tân Thành, diện tích đất của Bưu điện bị thấp hơn mặt đường thường bị ngập lụt nên dừng hoạt động và đến năm 2019 thì dỡ bỏ. Được sự đồng ý của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam tại Công văn số 2373/BĐVN-KHĐT, ngày 29/6/2019 về việc phê duyệt chủ trương dự án “*Xây dựng mới điểm Bưu điện Văn hóa xã I, huyện M*”. Ngày 23/9/2019 Bưu điện A đã lên kế hoạch khởi công xây dựng công trình điểm Bưu điện văn hóa xã I. Tuy nhiên, khi khởi công xây dựng thì gia đình bà Đoàn Thị T tự ý đóng cọc rào, căng dây giữa khu vực đất và ngăn cản không cho đơn vị thi công. Quá trình UBND xã I hòa giải bà T không nhất trí cho Bưu điện thi công C ông trình. Do vậy Bưu điện A khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị T trả lại cho Bưu điện A diện tích đất khoảng 110m² tại thôn 2 TY, xã I, huyện M để xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I và yêu cầu bà T không C ản trở việc thi công C ông trình, di chuyển toàn bộ cọc sắt, dây thừng ra khỏi khu đất đang thi công điểm Bưu điện văn hóa xã I để đơn vị thi công C ông trình theo kế hoạch.

Tuy nhiên sau khi đi thẩm định, đo đạc thực tế diện tích đất bà T lấn chiếm có chiều rộng 5m, chiều sâu 13m, tổng diện tích là 65m². Do vậy, Bưu điện A yêu cầu gia đình bà T tháo dỡ cọc rào, dây thừng, chấm dứt hành vi ngăn cản việc sử dụng đất và trả lại 65m² đất cho Bưu điện A.

Bị đơn bà Đoàn Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Vũ Hải L, quá trình chung sống vợ chồng bà có 03 người con là Vũ Văn O, Vũ Hải D và Vũ Thị K. Diện tích đất tranh chấp giữa Bưu điện A và gia đình bà là tài sản chung của vợ chồng bà. Về nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp là do chồng bà là ông Vũ Hải L cùng với ông Nguyễn Văn R nhận chuyển nhượng chung của ông Vũ Văn C vào năm 1993. Khi nhận chuyển nhượng do ông R đứng ra nên giấy tờ chuyển nhượng chỉ đứng tên ông Nguyễn Văn R chứ không thể hiện tên ông Vũ Hải L. Đến năm 1997 UBND xã I quy

hoạch làm chợ trung tâm xã I, do diện tích đất của ông L và ông R ở khu vực giữa chợ nên UBND xã I đã chuyển đổi đất cho gia đình ông L và ông R ra phía cuối chợ. Sau khi chuyển đổi xong thì gia đình ông R xây dựng nhà và ở trên diện tích đất do UBND xã chuyển đổi cho ông R, còn diện tích đất do UBND xã chuyển đổi cho ông L tiếp giáp đất của ông R do chưa có nhu cầu sử dụng, ông L đi làm xa nên chưa làm nhà ở, đất vẫn bỏ trống và cho người khác mượn trồng rau. Đến năm 2001 UBND xã I tự ý lấy đất của ông L để cấm cho Bưu điện A xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I, huyện M.

Sau khi Bưu điện A xây dựng nhà Bưu điện văn hóa xã trên phần đất của ông L, ông L có đề nghị UBND xã xem xét giải quyết thì UBND xã hứa hẹn khi nào Bưu điện không sử dụng nữa thì UBND xã sẽ trả lại phần diện tích đất đó cho ông L. Năm 2017 ông L chồng bà chết. Năm 2019 khi Bưu điện A phá bỏ nhà Bưu điện văn hóa xã cũ để xây dựng mới thì bà và hai con của bà là Vũ Văn O và Vũ Hải D đã đóng cọc, căng dây để giữ lại đất. Nay Bưu điện khởi kiện yêu cầu bà trả lại cho Bưu điện A diện tích đất 65m² (chiều rộng trước 5m, chiều sâu 13m) thuộc thôn 2 TY, xã I, huyện M để xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I bà không nhất trí, vì diện tích đất xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã UBND xã I đã chuyển đổi cho ông L là chồng bà sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã I – người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn B - Phó chủ tịch trình bày: Về diện tích đất bà T đang có tranh chấp với Bưu điện A theo hồ sơ quản lý đất đai hiện lưu tại UBND xã I thì diện tích đất này được thể hiện tại thửa đất số 47a, tờ bản đồ số 43, bản đồ 299 là đất chuyên dùng do UBND xã I quản lý. Năm 2001 UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi 200m² và giao cho Bưu điện A xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I. Sau khi được giao đất Bưu điện A đã xây dựng nhà Bưu điện văn hóa xã. Quá trình sử dụng do nhà đã xuống cấp cùng với việc khi làm đường dẫn cầu Tân Thành tôn cao thì nhà Bưu điện văn hóa tụt xuống thấp hơn đường nên đến năm 2019 Bưu điện A phá bỏ nhà Bưu điện văn hóa xã cũ để xây dựng nhà mới thì xảy ra tranh chấp với gia đình bà T. Về việc đổi đất và nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn R, quá trình hòa giải việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Bưu điện A và gia đình bà T thấy rằng các giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng, chuyển đổi quyền sử dụng đất chỉ thể hiện việc ông Nguyễn Văn R nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Văn C và UBND xã chuyển đổi quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn R chứ không có giấy tờ, tài liệu nào thể hiện việc ông L nhận chuyển nhượng đất của ông C và việc UBND xã chuyển đổi quyền sử dụng đất cho ông Vũ Hải L. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn O trình bày: Anh là con đẻ của ông Vũ Hải L và bà Đoàn Thị T. Trước đây bố anh là ông Vũ Hải L và ông Nguyễn Văn R cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Văn C, diện tích đất nhận chuyển nhượng sau đó thuộc khu vực giữa chợ Tân Thành. Năm 1997 UBND xã I quy hoạch làm chợ nên đã chuyển đổi cho ông R và ông L diện tích đất phía cuối chợ, trong đó diện tích ông R được sử dụng là 6m chiều ngang bám mặt đường, diện tích đất ông L được sử dụng là 5m chiều ngang bám mặt đường. Sau khi UBND xã I chuyển đổi đất cho ông L và ông R thì ông R đã

làm nhà kiên cố và sử dụng từ đó đến nay, còn chỗ đất của ông L thì năm 2001 nhà nước thu hồi để làm điểm bưu điện văn hóa xã I. Ông L có đòi lại diện tích đất này tuy nhiên xã I trả lời là sẽ cấp cho ông L diện tích đất khác, nhưng cho đến nay gia đình anh vẫn chưa được UBND xã I giao cho diện tích đất khác để sử dụng. Sau khi bố anh chết, mẹ anh là bà T tiếp tục đề nghị UBND xã trả đất cho gia đình anh nhưng không được giải quyết, vì vậy khi điểm Bưu điện văn hóa xã phá bỏ nhà cũ để xây dựng lại nhà mới gia đình anh mới rào lại đất không C ho Bưu điện xây dựng nữa. Nay Bưu điện khởi kiện yêu cầu bà T tháo dỡ cọc rào, dây thừng, chướng ngại vật vi ngăn cản việc sử dụng đất và trả lại 65m² đất cho Bưu điện A anh không nhất trí với yêu cầu của Bưu điện A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Hải D trình bày: Anh là con đẻ của ông Vũ Hải L và bà Đoàn Thị T. Trước đây bố anh là ông Vũ Hải L và ông Nguyễn Văn R cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Văn C, diện tích đất nhận chuyển nhượng sau đó thuộc khu vực giữa chợ Tân Thành. Năm 1997 UBND xã I quy hoạch làm chợ nên đã đổi cho ông R và ông L diện tích đất phía cuối chợ, trong đó diện tích ông R được sử dụng là 6m chiều ngang tám mét đường, diện tích đất của ông L được sử dụng là 5m chiều ngang tám mét đường. Sau khi UBND xã I chuyển đổi đất cho ông L và ông R thì ông R đã làm nhà kiên cố và sử dụng từ đó đến nay, còn chỗ đất của ông L thì năm 2001 nhà nước thu hồi để làm điểm bưu điện văn hóa xã I. Ông L có đòi lại diện tích đất này tuy nhiên xã trả lời là sẽ cấp cho ông L diện tích đất khác, nhưng cho đến nay gia đình anh vẫn chưa được UBND xã I giao cho diện tích đất khác để sử dụng. Sau khi bố anh chết, mẹ anh là bà T tiếp tục đề nghị UBND xã trả đất cho gia đình anh nhưng không được giải quyết, vì vậy khi điểm Bưu điện văn hóa xã phá bỏ nhà cũ để xây dựng lại nhà mới gia đình anh mới rào lại đất không C ho Bưu điện xây dựng nữa. Nay Bưu điện khởi kiện yêu cầu bà T tháo dỡ cọc rào, dây thừng, chướng ngại vật vi ngăn cản việc sử dụng đất và trả lại 65m² đất cho Bưu điện A anh không nhất trí với yêu cầu của Bưu điện A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị K, ông Vũ Đình S trình bày: Ông là em rể của ông Vũ Hải L (chồng bà T) và là chú của chị Vũ Thị K, ông được chị Vũ Thị K ủy quyền tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trước đây ông làm chủ nhiệm hợp tác xã tại xã I, ông biết ông Vũ Hải L và ông Nguyễn Văn R cùng nhận chuyển nhượng đất của ông Vũ Văn C, diện tích đất này sau đó UBND xã I quy hoạch làm chợ nên đã đổi cho ông R và ông L diện tích đất ở phía cuối chợ (diện tích ông R ở hiện nay và diện tích đang có tranh chấp giữa bà T với Bưu điện A). Sau khi đổi đất gia đình ông R đã làm nhà kiên cố còn chỗ đất đổi cho ông L thì nhà nước thu hồi để làm điểm Bưu điện văn hóa xã I. Ông L có đòi lại diện tích đất này tuy nhiên xã trả lời là cán bộ địa chính nhầm sẽ cấp cho ông L diện tích đất khác nhưng xã không thực hiện. Năm 2017 ông L chết. Năm 2019 khi Bưu điện A phá dỡ nhà Bưu điện văn hóa xã cũ để xây dựng nhà Bưu điện văn hóa xã mới thì bà T mới đóng cọc, căng dây rào lại đất không C ho xây dựng. Nay Bưu điện khởi kiện yêu cầu bà T trả lại diện tích đất tranh chấp có

chiều ngang 5m, chiều sâu 13m ông là người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị K không nhất trí với yêu cầu của Bưu điện A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định: Căn cứ vào các Điều 26; 147; 235; 266; 267; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 4, 5, 100, 166, 202 và 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bưu điện A, buộc bà Đoàn Thị T, anh Vũ Văn O và anh Vũ Hải D phải tháo dỡ toàn bộ cọc rào sắt, dây thừng trên diện tích đất tranh chấp, chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất của Bưu điện A và trả lại cho Bưu điện A tổng diện tích là 65m² đất tại thôn 2 TY, xã I, huyện M được thể hiện tại các điểm nối liền A, B, C, D, A theo sơ đồ thẩm định ngày 23 tháng 4 năm 2020. *(Có sơ đồ thẩm định kèm theo không tách rời bản án).*

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đoàn Thị T, anh Vũ Văn O và anh Vũ Hải D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chia ra mỗi người phải nộp 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*). UBND xã I, chị Vũ Thị K và Bưu điện A không phải nộp án phí, hoàn trả lại cho Bưu điện A - Người đại diện theo ủy quyền ông Mai Đức N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002473 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Tuyên Quang. Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/7/2020 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị T, đơn ghi ngày 24/07/2020 có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang với lý do nội dung bản án số 25/2020/DS-ST ngày 22 tháng 07 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M đã không thể hiện sự khách quan của vụ việc, có sự vi phạm nghiêm trọng về tố tụng khi Hội đồng xét xử không xem xét, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Quyết định của bản án sơ thẩm đã xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích của bà. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Đoàn Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xuất trình tài liệu chứng cứ mới là “Biên bản thanh toán giữa ông R và ông L ” ngày 13/2/95 có chữ ký của ông Vũ Hải L và ông Nguyễn Văn R.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bưu điện A - ông Mai Đức N giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đề nghị tòa án cấp phúc thẩm không Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Đoàn Thị T trình bày quan điểm: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như lời khai của ông Nguyễn Văn R; “Biên bản thanh toán giữa ông R và ông L ” ngày 13/2/95 có chữ ký của ông Vũ Hải L và ông Nguyễn Văn R, “giấy chứng nhận của người mua chung đất” mang tên ông Nguyễn Văn R, “Giấy nhận chứng về việc mua bán đất” ngày 09/10/2010 mang tên ông Vũ Hải L được các nhân chứng ông Nông Xuân Thành, ông Vũ Đình S, ông Dương Tất Đ, bà Nguyễn Thị L1, ông Phạm Đức L2, bà Nguyễn Ái J, ông Tống Văn M1 xác nhận có biết việc ông Vũ Hải L mua chung đất với ông Nguyễn Văn R. Biên bản về việc chuyển đổi đất của ông R nằm trong khu vực chợ ra ngoài mép chợ ngày 21/3/1998, biên bản về việc đối thoại trực tiếp về giải quyết đất khu chợ giữa Đảng ủy - HĐND xã, Ủy ban nhân dân xã với ông Vũ Hải L thôn 1 TY ngày 21/6/2014; Thông báo số 10a/TB-UBND ngày 09/7/2014 của UBND xã I thông báo kết quả giải quyết đơn đề nghị của ông Vũ Hải L thôn 1 TY, xã I, Kết luận số 18-KL/ĐU ngày 23/6/2014 của Ban thường vụ Đảng ủy xã I về việc đối thoại trực tiếp giải quyết đơn thư kiến nghị của ông Vũ Hải L cư trú tại thôn 1 TY về trả lại diện tích đất tại khu chợ trung tâm xã thuộc thôn 2 TY, xã I có cơ sở xác định thực tế có việc ông Vũ Hải L cùng với ông Nguyễn Văn R nhận chuyển nhượng chung thửa đất của ông Vũ Văn C vào năm 1993. Đến năm 1997 có việc UBND đổi đất cho ông R và ông L ra khu vực mép chợ TY. Khi UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi đất của ông L không thực hiện đền bù là không đúng quy định của pháp luật. Khi biết việc Bưu điện A xây dựng điểm bưu điện văn hóa xã I gia đình ông L đã nhiều lần đề nghị UBND xã giải quyết nhưng chưa được giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà T .

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị T hợp lệ, trong hạn luật định. Nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Không C chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 22 tháng 07 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang. Buộc bà Đoàn Thị T, anh Vũ Văn O và anh Vũ Hải D phải tháo dỡ toàn bộ cọc rào sắt, dây thừng trên diện tích đất tranh chấp và trả lại cho Bưu điện A tổng diện tích là 65m² đất tại thôn 2 TY, xã I, huyện M, tỉnh Tuyên Quang. Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm, buộc bà Đoàn Thị T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 BLTTDS buộc bà T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 27/7/2020 bà Đoàn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, như vậy, việc kháng cáo của bà Đoàn Thị T là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã I - người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của ông B không ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:* Bưu điện A cho rằng nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do Bưu điện A được UBND tỉnh cho thuê đất theo Quyết định số 205/QĐ-UB, ngày 13/2/2001 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi và cho thuê đất để xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I. Theo quyết định số 205/QĐ-UB thì Bưu điện A được phép sử dụng 200m² đất tại thôn 2 TY, xã I để xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất năm 2001 Bưu điện A đã khởi công xây dựng nhà Bưu điện văn hóa xã I và sử dụng đến nay. Còn bà T xác định năm 1993 ông Vũ Hải L (chồng của bà T) và ông Nguyễn Văn R nhận chuyển nhượng của ông Vũ Văn C 01 diện tích đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 43 xã I. Đến năm 1997 UBND xã I quy hoạch làm chợ trung tâm xã I, do diện tích đất của ông L và ông R ở khu vực giữa chợ nên UBND xã I đã chuyển đổi cho gia đình ông L và ông R ra phía cuối chợ, ông R đã làm nhà trên diện tích đất được UBND xã chuyển đổi còn ông L chồng bà chưa sử dụng diện tích đất này. Đến ngày 13/2/2001 UBND tỉnh Tuyên Quang có Quyết định số 205/QĐ-UB thu hồi diện tích đất này của gia đình bà để giao cho Bưu điện A xây dựng điểm bưu điện văn hóa xã I mà không thông báo cho gia đình bà biết.

Căn cứ vào toàn bộ các tài liệu chứng cứ do các đương sự xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh thu thập chứng cứ thấy rằng:

Theo hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ tại UBND xã I (Bản đồ 299 can in tháng 5 năm 2003 và sổ mục kê) xác định: Diện tích đất tranh chấp giữa Bưu điện A và bà Đoàn Thị T là một phần của thửa số 47a, tờ bản đồ số 43, diện tích 3.497m², loại đất chuyên dùng do UBND xã I quản lý (theo sổ mục kê thể hiện là đất chợ Tân Thành). Năm 2001 UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi 200m² và giao cho Bưu điện A xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I tại Quyết định số 205/QĐ-UB, ngày 13/2/2001 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi và giao đất để xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I. Như vậy toàn bộ diện tích đất tại thửa số 47a bản đồ số 43, (trong đó có phần đất tranh chấp) do UBND xã I quản lý. Ngoài ra không có thửa đất số 47 tờ bản đồ số 43, diện tích 288m² mang tên ông Vũ Văn C như bà

T trình bày. Tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 205/QĐ-UB, ngày 13 tháng 02 năm 2001 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc thu hồi, cho thuê đất xây dựng điểm Bưu điện - Văn hóa xã I, huyện M thể hiện: *“Nay thu hồi tổng diện tích 200,0m² đất chuyên dùng hiện tại UBND xã I đang quản lý, sử dụng có vị trí giáp khu trụ sở UBND xã để sử dụng vào mục đích xây dựng cơ quan nhà nước”*. Như vậy, về nguồn gốc diện tích đất UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi và cho thuê đất để xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I là thu hồi đất của UBND xã I quản lý, chứ không phải thu hồi đất của ông Vũ Hải L.

Căn cứ vào hồ sơ thu hồi, cho thuê đất xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã, xã I, huyện M, tỉnh Tuyên Quang của UBND tỉnh Tuyên Quang do Tòa án thu thập thấy rằng, về thẩm quyền và trình tự thủ tục thu hồi và cho thuê đất đã thực hiện đúng quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai ngày 02/12/1998 và Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đất đai. Khi thu hồi và giao đất không có việc tranh chấp đối với diện tích đất trên.

- *Về quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp*: Năm 2001 sau khi được UBND tỉnh Tuyên Quang thu hồi 200m² và giao cho Bưu điện A xây dựng điểm Bưu điện văn hóa xã I, Bưu điện A đã xây dựng nhà Bưu điện văn hóa và sử dụng từ năm 2001 đến năm 2019 Bưu điện A phá bỏ nhà cũ để xây dựng nhà mới thì mới xảy ra tranh chấp với gia đình bà Đoàn Thị T.

Bà Đoàn Thị T cho rằng ông Vũ Hải L là chồng bà có nhận chuyển nhượng đất của ông Vũ Văn C chung cùng với ông Nguyễn Văn R vào năm 1993. Đến năm 1997 UBND xã I quy hoạch làm chợ trung tâm xã I, do diện tích đất của ông L và ông R ở khu vực giữa chợ nên UBND xã I đã chuyển đổi đất cho gia đình ông L và ông R ra phía cuối chợ và xuất trình *“Giấy nhận bán đất”* không ghi ngày tháng năm viết giấy có chữ ký của ông Vũ Văn C; *“giấy chứng nhận của người mua đất chung”* không ghi ngày tháng năm lập có chữ ký của ông Nguyễn Văn R; *“Biên bản thanh toán giữa ông R và ông L ”* ngày 13/2/95 có chữ ký của ông Vũ Hải L và ông Nguyễn Văn R và giấy nhân chứng về việc mua bán đất mang tên ông Vũ Hải L được các nhân chứng ông Nông Xuân T1, ông Vũ Đình S, ông Dương Tất Đ, bà Nguyễn Thị L1, ông Phạm Đức L2, bà Nguyễn Ái J, ông Tống Văn M1 xác nhận có biết việc ông Vũ Hải L mua chung đất với ông Nguyễn Văn R. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy: Trong giấy nhượng đất do ông Vũ Văn C xuất trình có thể hiện nội dung *“Tên tôi là Vũ Văn C. HTX TY, xã I - H. Hàm Yên - Tuyên Quang. Tôi có một cái ao cạn khoảng 288m² nằm dọc theo đường cái lớn là 24m mặt đường, bề ngang sâu vào trong chợ là 12m nằm ở phía tay trái lối vào chợ, nay tôi không sử dụng đến. Vậy tôi nhượng lại cho ông Nguyễn Văn R là anh em trong nhà sử dụng, đôi bên anh em đã thỏa thuận anh Bình được quyền sử dụng ao đó kể từ ngày 30 tháng 11 năm 1993. Người viết giấy ký - Vũ Văn C”*. Như vậy việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Vũ Văn C là chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn R, chứ không có căn cứ xác định ông C chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn R và ông Vũ Hải L.

Theo Biên bản về việc chuyển đổi đất của ông R nằm trong khu vực chợ ra ngoài mép chợ lập ngày 21/3/1998 giữa UBND xã I với ông Nguyễn Văn R do ông

Nguyễn Văn R và bà T cung cấp có nội dung “.....Trước đây ông Nguyễn Văn R có mua một số đất của ông Vũ Văn C để làm lều quán, số diện tích sau khi quy hoạch đường giao thông diện tích của ông R đã làm quán chiều dài theo mặt đường 12m, chiều sâu từ đường vào chợ là 05m. Tổng diện tích là 60m². Theo yêu cầu quy hoạch chợ TY, Tân Thành ông R phải chuyển đi chỗ khác. UBND xã đã thống nhất thỏa thuận với ông R chuyển làm lều quán bán hàng khu vực cuối chợ tính từ ngã ba TY xuống....diện tích tính từ hành lang đường giao thông dài 11,5m, chiều ngang theo mặt đường ...mép chợ cũ là 6m. Tổng diện tích chuyển đổi là 69m²”; Tại mục 2 Thông báo về việc chuyển đổi đất khu vực chợ TY của UBND xã I do ông Nguyễn Văn R cung cấp có nội dung “Số đất mới đổi cho ông R nằm giáp đường diện tích 40m² ở phía cuối cùng đất chợ tính từ ngã ba TY xuống. Chiều mặt đường 5 (năm) mét, chiều sâu vào đất chợ 8 (tám) mét”. Mặc dù Thông báo không thể hiện ngày tháng năm nhưng có căn cứ để xác định Thông báo được ban hành trước ngày 30/8/1997, vì tại mục 3 của Thông báo thể hiện nội dung “Hạn hết ngày 30/8/1997 ông R chuyển xong nhà về khu đất mới”. Như vậy không có căn cứ xác định có việc thỏa thuận chuyển đổi đất giữa ông Vũ Hải L với UBND xã I.

Bà T xuất trình kết luận số 18-KL/ĐU ngày 23/6/2014 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã I về việc đối thoại trực tiếp giải quyết đơn thư kiến nghị của ông Vũ Hải L có nội dung “Diện tích đất ông Vũ Hải L và ông Nguyễn Văn R mua chung có chứng cứ, hồ sơ đầy đủ, có xác nhận của UBND xã đổi đất giữa xã với ông L và ông R để làm chợ, ông R rộng 6m, sâu 8m; ông L rộng 5m, sâu 8m” và thông báo số 10a/TB-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của UBND xã I thông báo kết quả giải quyết đơn đề nghị của ông Vũ Hải L có đề cập đến nội dung đổi đất giữa UBND xã I với ông Vũ Hải L trên cơ sở căn cứ vào biên bản thỏa thuận đổi đất giữa UBND xã I với ông Nguyễn Văn R ngày 20/3/1997, trong đó đổi cho ông R rộng 6m, sâu 8m; ông L rộng 5m, sâu 8m. Hội đồng xét xử thấy rằng Quyết định số 150-QĐ/UB ngày 22/7/2019 của Ban Thường vụ đảng ủy xã I đã bãi bỏ kết luận số 18-KL/ĐU ngày 23/6/2014 của Ban Thường vụ đảng ủy xã I với lý do Kết luận số 18 không có cơ sở pháp lý và tại Thông báo số 28/TB-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2019 của UBND xã I đã hủy bỏ toàn bộ nội dung của thông báo số 10a/TB-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 với lý do thông báo số 10a/TB-UBND không đúng thẩm quyền, không đúng trình tự, thủ tục về giải quyết tranh chấp đất đai. Như vậy kết luận số 18-KL/ĐU ngày 23/6/2014 của Ban Thường vụ đảng ủy xã I và Thông báo số 10a/TB-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của UBND xã I không còn giá trị pháp lý.

Đối với các tài liệu “Giấy nhận bán đất” không ghi ngày tháng năm viết giấy có chữ ký của ông Vũ Văn C và “Giấy chứng nhận của người mua đất chung” không ghi ngày tháng năm lập có chữ ký của ông Nguyễn Văn R bà T thừa nhận các giấy tờ này là do chồng bà xin xác nhận sau không phải là giấy tờ chuyển nhượng đất ban đầu. Đối với “Biên bản thanh toán giữa ông R và ông L ” ngày 13/2/95 có chữ ký của ông Vũ Hải L và ông Nguyễn Văn R và giấy nhân chứng về việc mua bán đất mang tên ông Vũ Hải L được các nhân chứng ông Nông Xuân T1, ông Vũ Đình S, ông Dương Tất Đ, bà Nguyễn Thị L1, ông Phạm Đức L2, bà Nguyễn Ái J, ông Tống Văn M1 xác nhận có biết việc ông Vũ Hải L mua chung đất với ông Nguyễn Văn R. Hội

đồng xét xử thấy những tài liệu này không phải là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra bà T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh diện tích đất Bưu điện A được UBND tỉnh Tuyên Quang giao đất thuộc quyền sử dụng của ông Vũ Hải L chồng bà. Việc bà T và hai con trai là Vũ Văn O, Vũ Hải D đã đóng 01 hàng cọc sắt chạy dọc từ ngoài vào trong, gồm: 04 cọc sắt vuông, kích thước vuông trung bình 03cm, nối giữa các cọc sắt là hàng dây thừng trên diện tích đất 65 m² đất thuộc quyền sử dụng của Bưu điện A là không đúng quy định của pháp luật. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bưu điện A buộc bà Đoàn Thị T, anh Vũ Văn O và anh Vũ Hải D phải tháo dỡ toàn bộ cọc rào sắt, dây thừng trên diện tích đất tranh chấp và trả lại cho Bưu điện A tổng diện tích là 65m² đất tại thôn 2 TY, xã I, huyện M là có căn cứ. Kháng cáo của bà T là không C ó căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Bà Đoàn Thị T anh Vũ Văn O và anh Vũ Hải D phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chia ra mỗi người phải nộp 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*) là không C hính xác. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của bị đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Bưu điện A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Bưu điện A - Người đại diện theo ủy quyền ông Mai Đức N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002473 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Tuyên Quang.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Đoàn Thị T phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 BLTTDS. Tuy nhiên phía nguyên đơn đã nhận chịu toàn bộ chi phí đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ số tiền này. Do đó bị đơn không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 4, 5, 100, 166, 202 và 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đoàn Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bưu điện A, buộc bà Đoàn Thị T, anh Vũ Văn O và anh Vũ Hải D phải tháo dỡ toàn bộ cọc rào sắt, dây thừng trên diện tích đất tranh chấp và trả lại cho Bưu điện A tổng diện tích là 65m² đất tại thôn 2 TY, xã I, huyện M được thể hiện tại các điểm nối liền A, B, C, D, A theo sơ đồ thẩm định ngày 23 tháng 4 năm 2020. *(Có sơ đồ thẩm định kèm theo không tách rời bản án).*

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Tuyên Quang về án phí như sau:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bưu điện A không phải chịu án phí. Trả lại cho Bưu điện A - Người đại diện theo ủy quyền ông Mai Đức N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0002473 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Tuyên Quang.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002177, ngày 10/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Tuyên Quang. Bà Đoàn Thị T đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27/01/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang ;
- TAND huyện M;
- CC THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu HS vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hà